

Châu Thành, ngày 23 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Hoàng Thi.

Bà Phạm Thị Xuân Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 445/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị Trúc L, sinh năm 1998. Nơi cư trú: ấp A, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trọng S, sinh năm 1995. Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của anh Sang về phần tranh chấp tài sản và nợ: Ông Hàn Dũng Q, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: khu phố A, phường B, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/02/2022).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Cao Minh B, sinh năm 1973;

3.2. Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1976;

Cùng nơi cư trú: ấp H, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của bà Kim C: Ông Cao Minh B (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/12/2021).

3.3. Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B;

Trụ sở: Phường A, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Cao T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Cao T – Chức vụ: Nhân viên công ty; địa chỉ liên hệ: phường A, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chị L, anh S, ông Q, ông B, ông T có mặt.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235, 246 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự đã thuận tình ly hôn, đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Cao Thị Trúc L và anh Nguyễn Trọng S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2016 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 (Một triệu) đồng; thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 01/11/2021 đến khi cháu P tròn 18 tuổi.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Cao Thị Trúc L, anh Nguyễn Trọng S, ông Cao Minh B và bà Trần Thị Kim C thống nhất giao toàn bộ phần đất có diện tích 64,9m² thuộc thửa 1011 tờ bản đồ 15 tọa lạc tại xã Quới Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cùng căn nhà số 664/3 cất trên đất cho cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 19 tháng 4 năm 2016 (các bên thống nhất xác định diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông B đang đứng tên quyền sử dụng).

Ông Cao Minh B và bà Trần Thị Kim C được tiếp tục quản lý sử dụng phần đất thửa 1011 cùng căn nhà số 664/3 nêu trên đến khi cháu Nguyễn Gia P tròn 18 tuổi thì ông B, bà C có trách nhiệm chuyển quyền sử dụng đất cho cháu P.

- Về nợ: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B đồng ý xóa số nợ 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng theo “Hợp đồng cho vay tiền” ngày 02/5/2019 giữa bên cho vay là Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B với bên vay là anh Nguyễn Trọng S. Công ty

Cổ phần Đầu tư xây dựng B xác định chị L, anh S không còn bất kỳ khoản nợ nào tại Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B nên Tòa án ghi nhận.

- Về chi phí tố tụng: Anh S chịu chi phí tố tụng là 1.600.000 (Một triệu sáu trăm nghìn) đồng và anh S đã nộp xong.

- Về án phí:

+ Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng không có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001048 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị L còn phải nộp số tiền án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

+ Trả cho anh S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.900.000 (Ba triệu chín trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001179 ngày 26/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

+ Trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001298 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được qui định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Đ, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Huyền